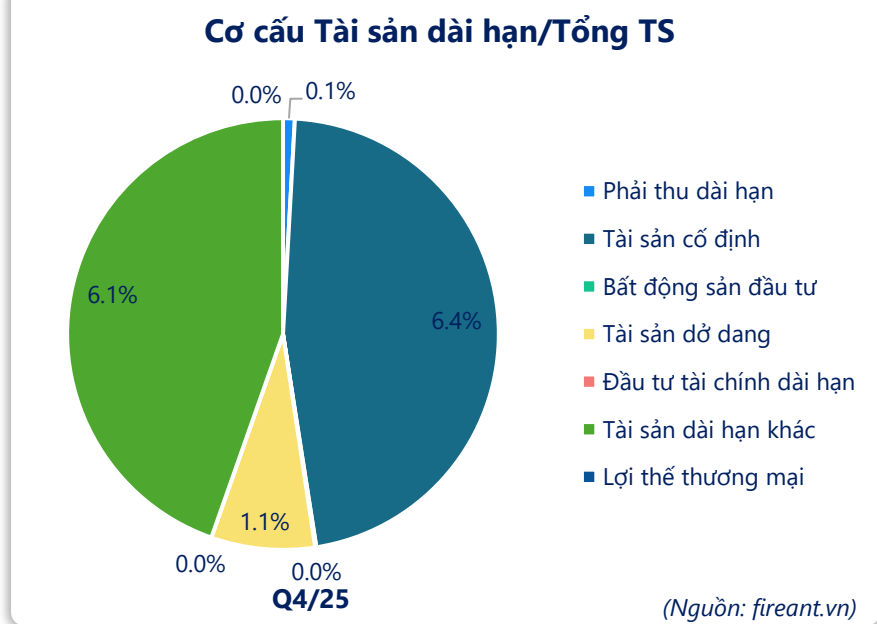
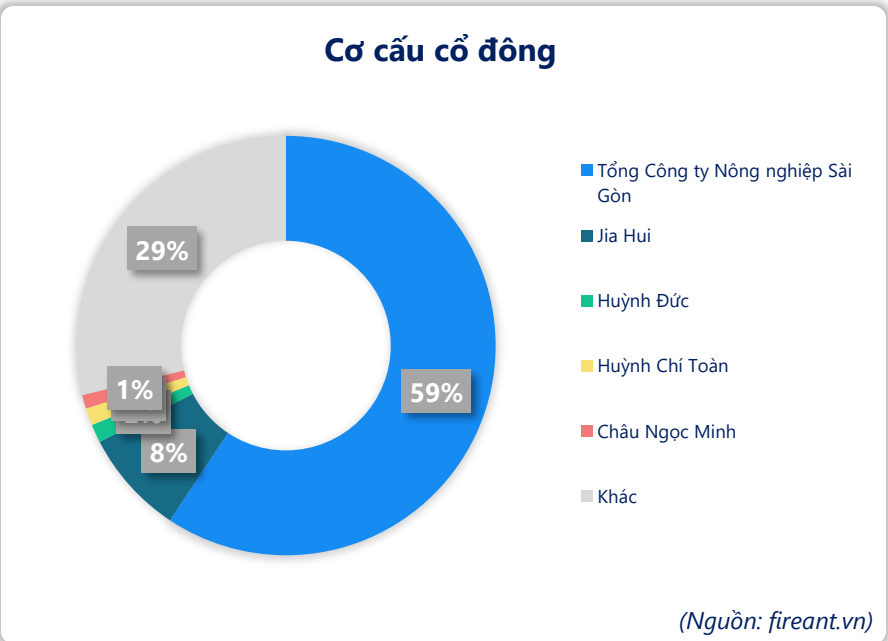
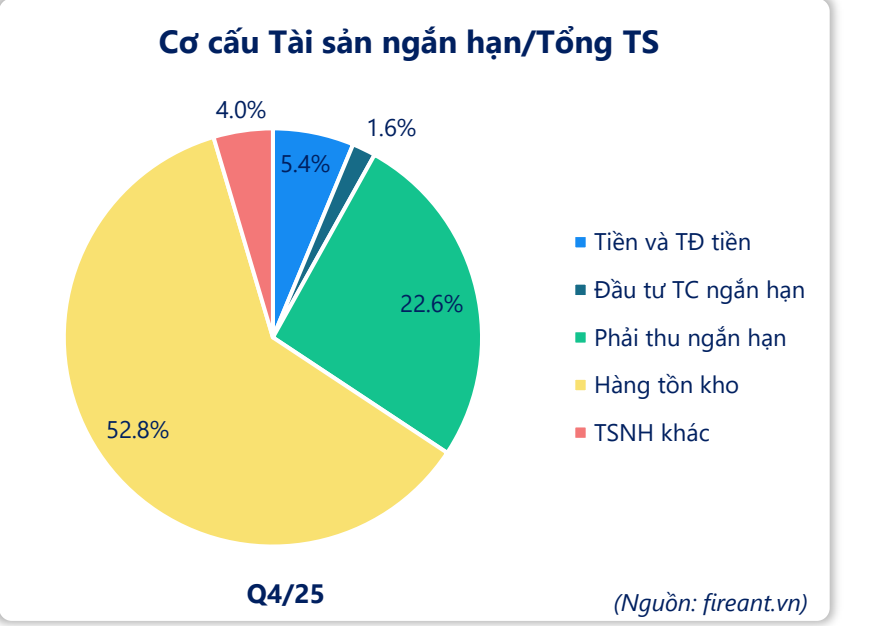
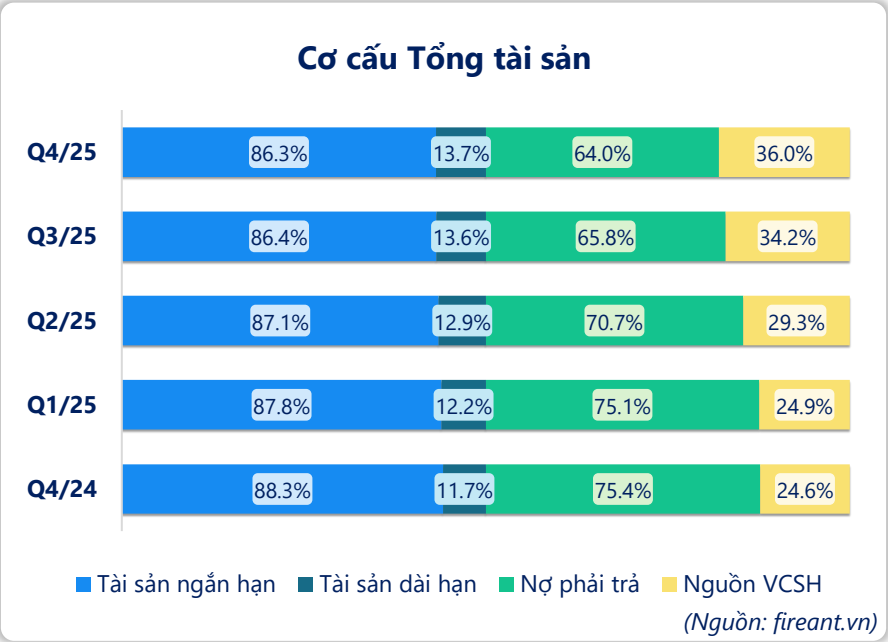
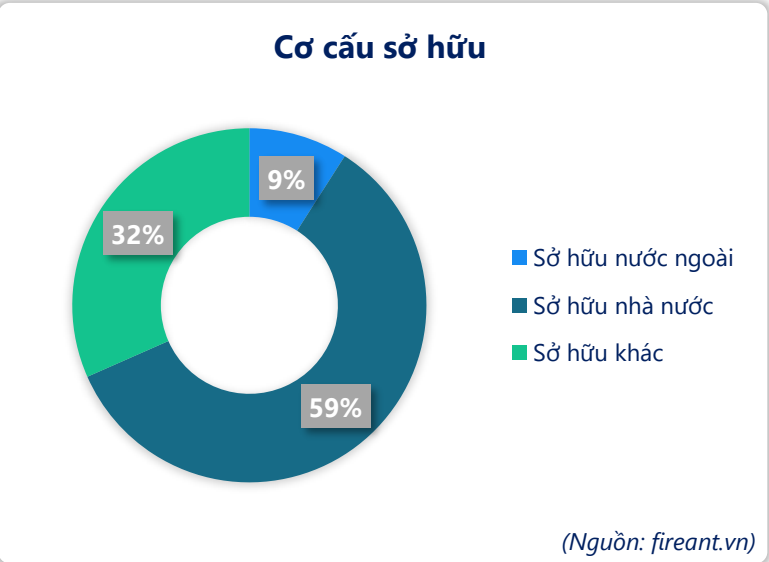
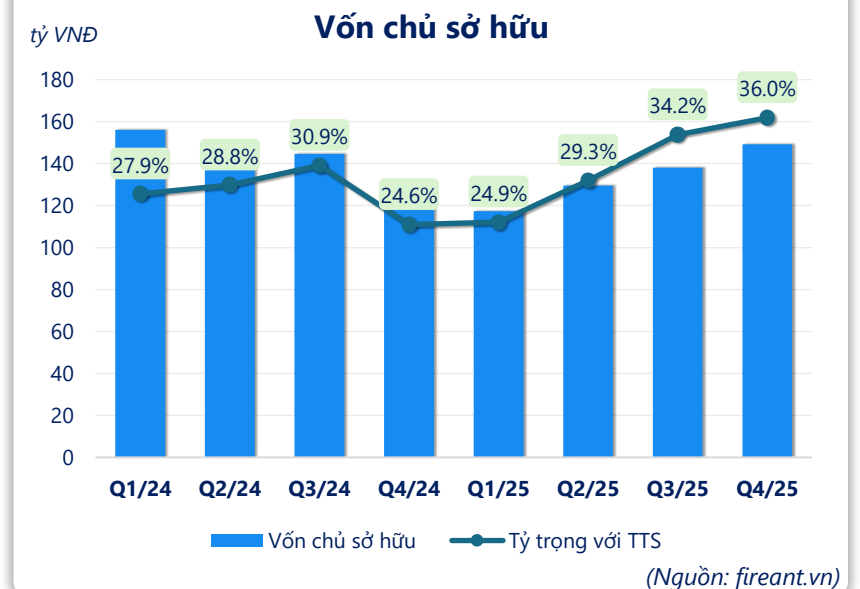
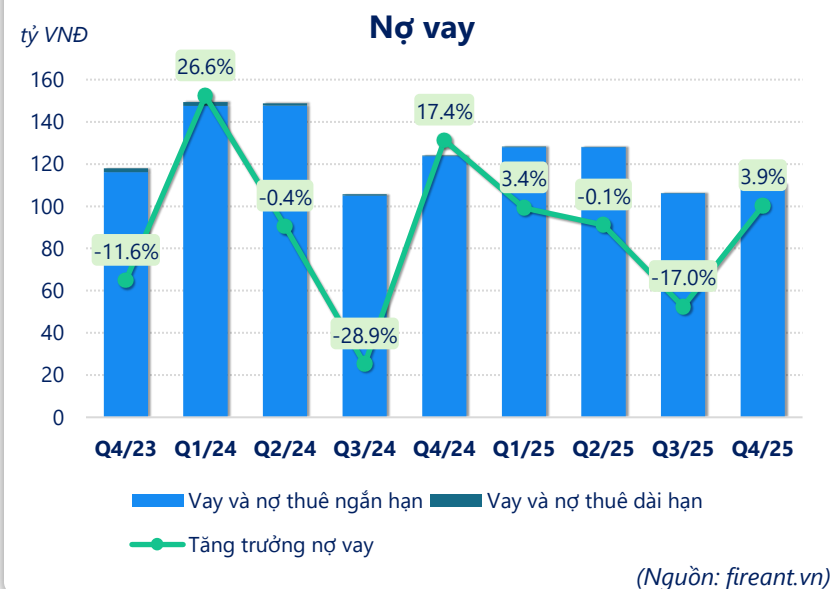
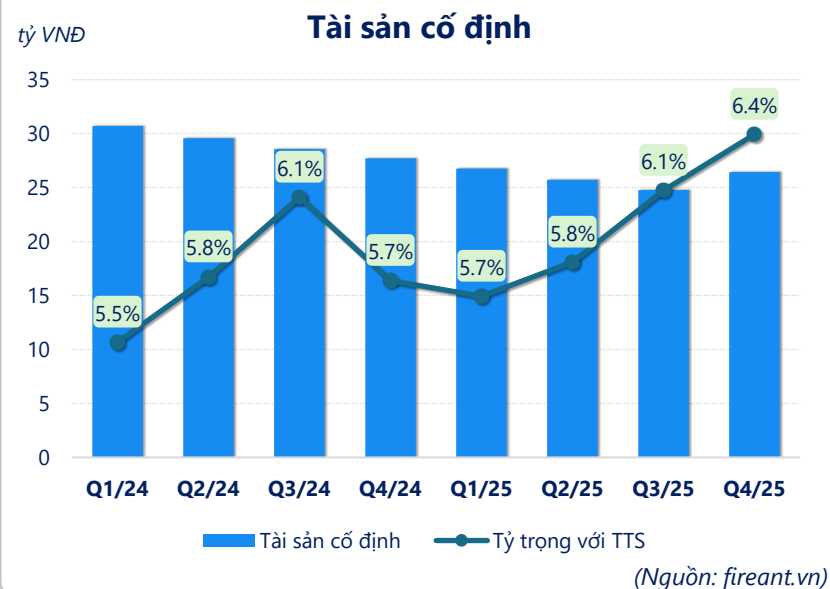
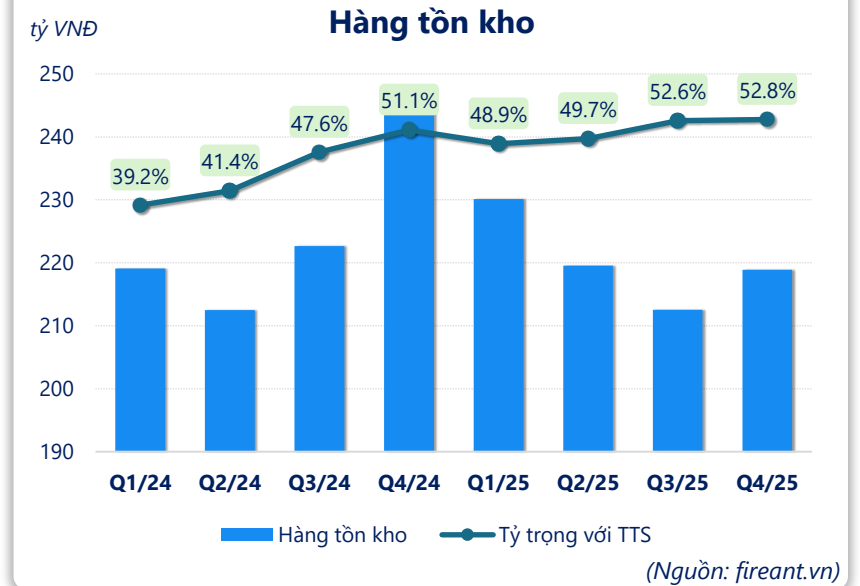
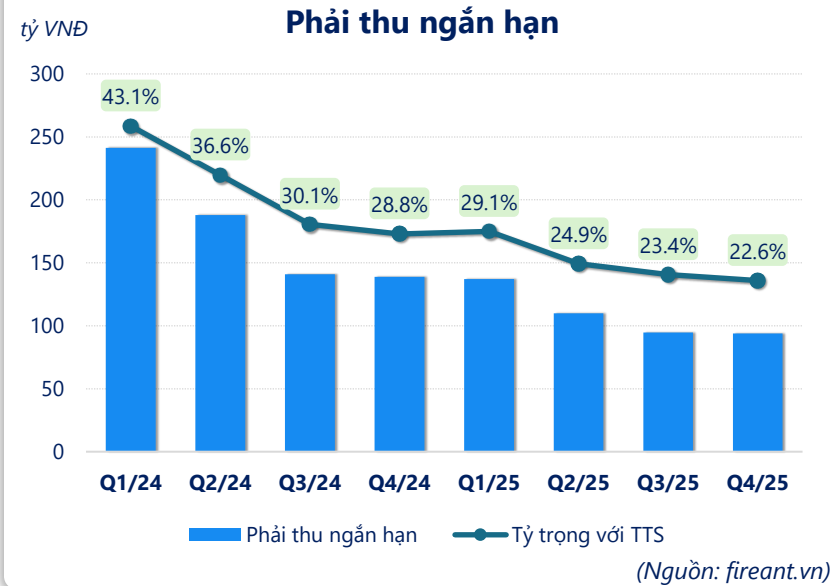
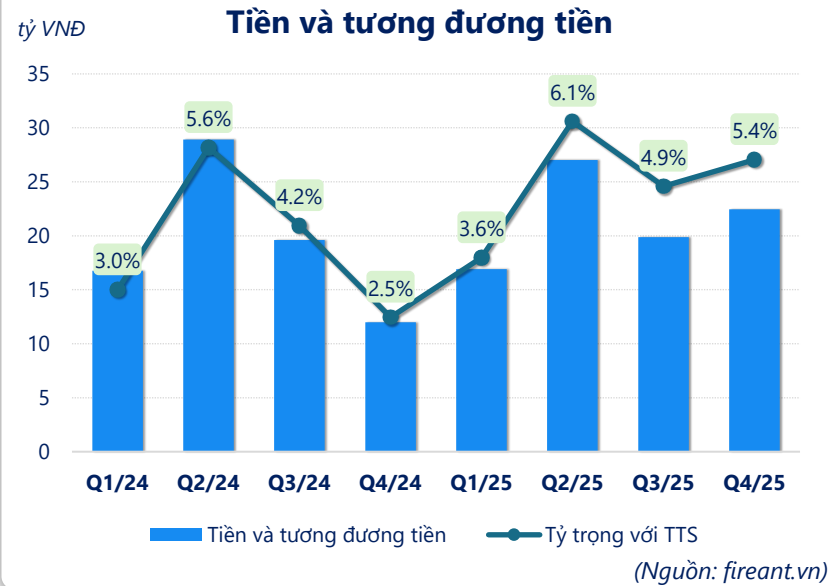
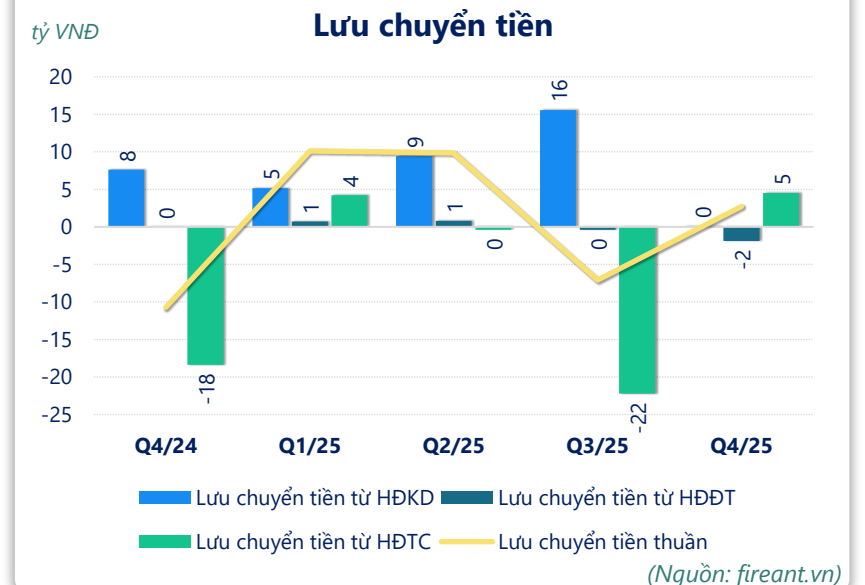
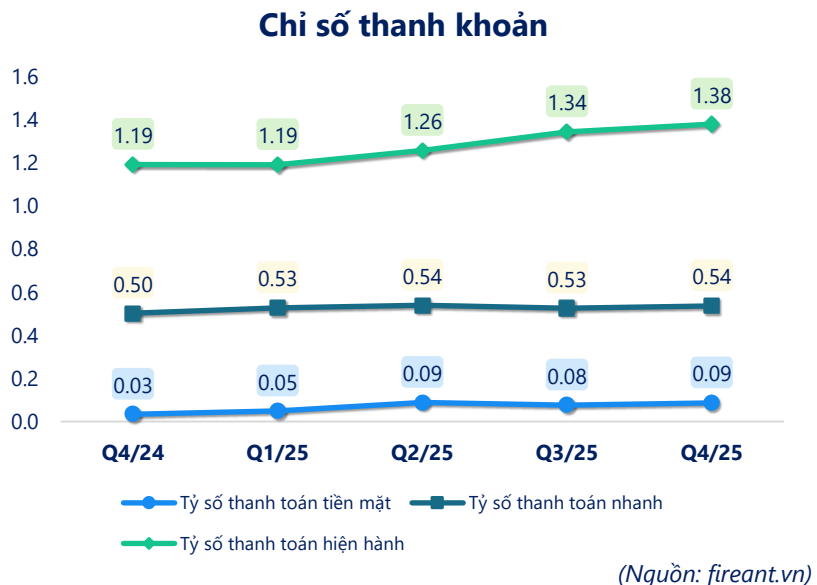
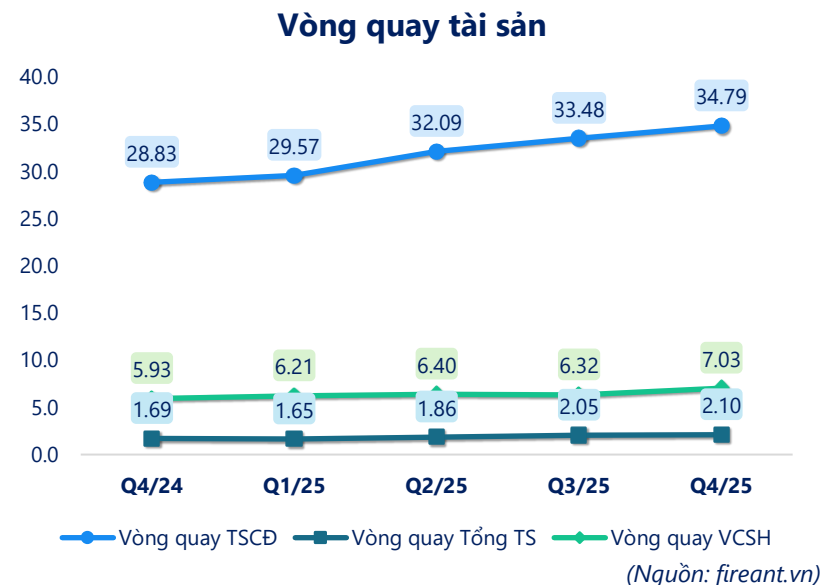
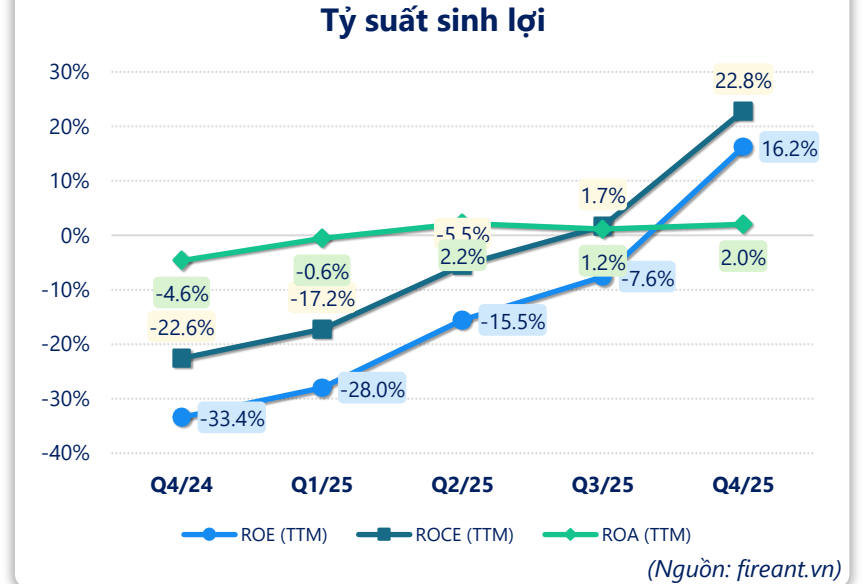
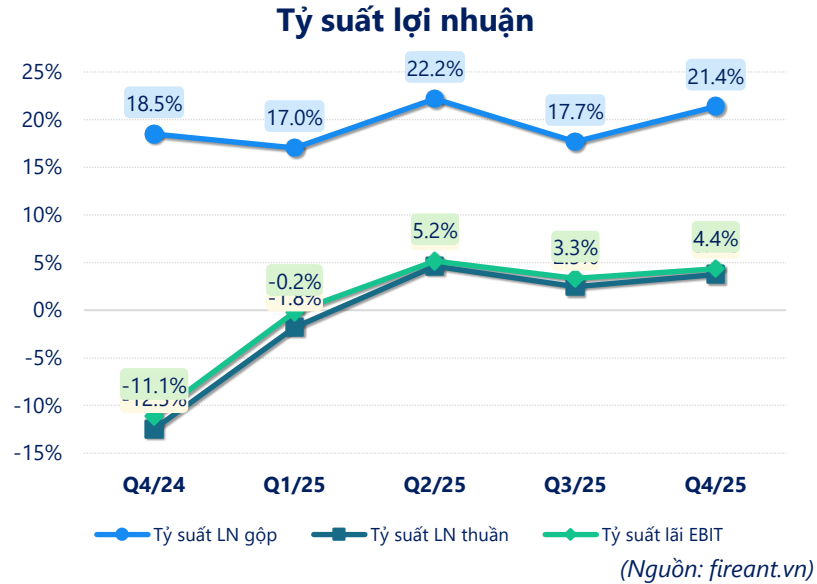
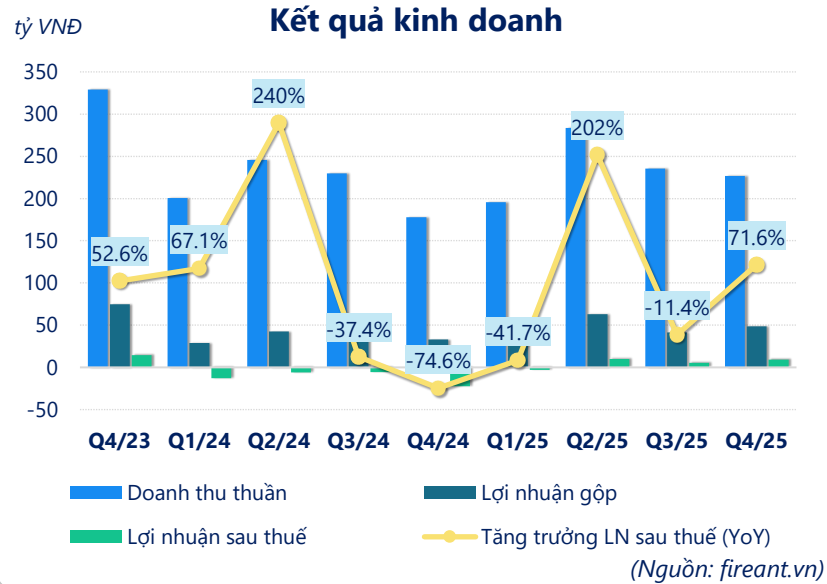


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,800
SL cổ phiếu LH		10,530,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		655
% sở hữu nước ngoài		9.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		82
P/E		3.8
EPS		2,064

	YTD	1T	3T	6T
SPC	-8.2%	-25.0%	-14.3%	-15.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	415	451	-8.1%
Tài sản ngắn hạn	358	392	-8.5%
Tiền và tương đương tiền	22.4	6.67	237%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.50	5.25	23.8%
Phải thu ngắn hạn	94.0	114	-17.3%
Hàng tồn kho	219	239	-8.2%
Tài sản ngắn hạn khác	16.4	27.6	-40.4%
Tài sản dài hạn	56.6	59.7	-5.2%
Phải thu dài hạn	0.50	0.62	-19.4%
Tài sản cố định	26.4	27.7	-4.5%
Bất động sản đầu tư	0.05	0.17	-72.2%
Tài sản dở dang	4.40	4.87	-9.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	25.3	26.4	-4.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	266	329	-19.2%
Nợ ngắn hạn	260	322	-19.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	110	124	-10.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	107	165	-35.1%
Nợ dài hạn	6.11	6.68	-8.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.35	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	149	123	21.5%
Vốn chủ sở hữu	149	123	21.5%
Vốn điều lệ	105	105	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	178	196	284	235	227
Giá vốn hàng bán	145	162	221	194	178
Lợi nhuận gộp	32.9	33.3	62.9	41.6	48.5
Doanh thu HĐTC	1.26	1.71	3.74	3.66	1.41
Chi phí TC	10.9	10.2	20.0	12.5	7.98
Chi phí lãi vay	1.99	1.97	2.24	1.57	1.81
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	40.4	20.9	24.1	17.2	25.4
Chi phí QLDN	5.09	7.45	9.45	9.81	8.02
LN thuần từ HĐKD	-22.2	-3.53	13.1	5.79	8.48
Lợi nhuận khác	0.47	1.23	-0.71	0.51	-0.39
LN trước thuế	-21.7	-2.30	12.4	6.30	8.09
Lợi nhuận sau thuế	-22.1	-2.95	10.1	5.25	9.03
LNST của CĐ cty mẹ	-23.4	-2.95	10.5	5.12	9.07

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.64	5.17	9.43	15.5	0.11
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	0.72	0.80	-0.38	-1.90
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.4	4.22	-0.41	-22.2	4.50
Tiền đầu kỳ	19.6	6.67	16.9	27.2	19.9
Lưu chuyển tiền thuần	-10.7	10.1	9.83	-7.07	2.71
Ảnh hưởng tỷ giá	3.12	0.13	0.41	-0.21	-0.13
Tiền cuối kỳ	12.0	16.9	27.2	19.9	22.4

(Nguồn: fireant.vn)